

CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Thách thức trong nửa còn lại của năm

17/08/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2Q2023 suy giảm so với cùng kỳ

Doanh thu thuần 2Q2023 của NT2 đạt 2,1820 tỷ VND (-18.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 144.2 tỷ VND (-60.5% YoY). Trong nửa đầu 2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 2,128 triệu kWh (-2% YoY). Biên lợi nhuận gộp trong 2Q2023 chỉ đạt hơn 7%. Bên cạnh đó, LNST của NT2 giảm mạnh so với cùng kỳ do (1) giá bán điện trung bình đi xuống cùng chiều với giá đầu vào (2) sản lượng điện thương phẩm suy giảm (3) Chi phí cao hơn do NT2 có thời gian phải chạy bằng dầu diesel (DO) (4) Mức nền cao trong 2Q2022.

NT2 có thể gặp khó khăn ngắn hạn trong 2H2023

Nhu cầu tiêu thụ điện đang tăng trưởng thấp hơn dự kiến và có thể tiếp tục tăng chậm trong nửa còn lại của năm. Nhu cầu bị ảnh hưởng bởi tiêu thụ của nhóm thâm dụng năng lượng như Công nghiệp – Xây dựng. Ngoài ra, NT2 sẽ đại tu các tổ máy, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện sản xuất được của NT2 trong 2H2023. Chúng tôi cho rằng sản lượng điện huy động trong 2H2023 sẽ suy giảm so với nửa đầu năm và giữ mức dự phóng sản lượng 4,032 triệu kWh (-0.8% YoY) cho 2023.

NT2 kỳ vọng sẽ trở lại trong 2024 từ mức nền của 2023

NT2 có nhiều lợi thế để nắm bắt cơ hội trong 2024. Giá đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với giá khí trung bình trong năm 2022. Diễn biến này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong báo cáo trước đó. NT2 theo đó có thể tăng tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng hoạt động công nghiệp và xây dựng trở lại vào 2024 sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh.

Khuyến nghị NẮM GIỮ với giá mục tiêu 32,200 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 32,200 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 9.2% so với giá tại ngày 16/08/2023.

NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu 32,200 VND

Tăng/giảm (%)	9.2%
Giá hiện tại (15/08/2023)	29,500 VND
Giá mục tiêu thị trường	32,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,521

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	32.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	23.68
Sở hữu nước ngoài (%)	33.1%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

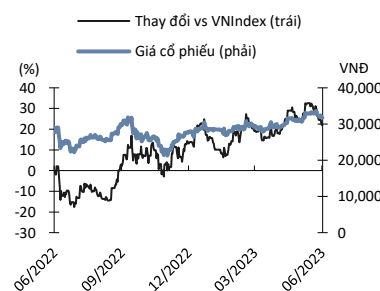
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.9	9.5	14.6	14.2
Tương đối	-2.7	1.9	7.7	24.1

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	6,150	8,788	8,571	9,403
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	559	957	702	988
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	534	883	735	998
EPS (VND)	1,756	2,992	2,552	3,468
Thay đổi EPS (%)	-16.2	70.4	-14.7	35.9
P/E (x)	14.4	9.7	12.6	9.3
P/B (x)	1.2	1.8	1.9	1.8
ROE (%)	13%	19%	15%	19%
Tỷ suất cổ tức (%)	12%	6%	6%	8%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KẾT QUẢ KINH DOANH 2Q2023

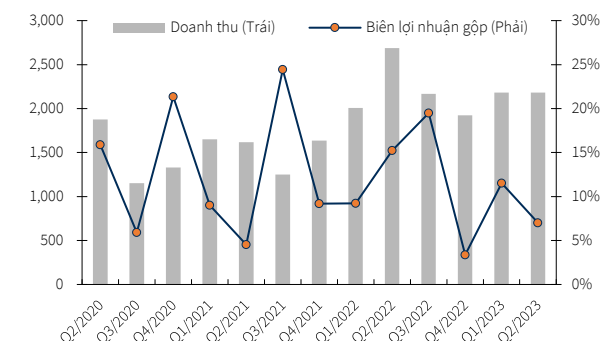
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2Q2023 suy giảm so với cùng kỳ

Doanh thu thuần 2Q2023 của NT2 đạt 2,182 tỷ VND (-18.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 144.2 tỷ VND (-60.5% YoY). Trong nửa đầu 2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 2,128 triệu kWh (-2% YoY). Sản lượng sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ điện thấp tại miền Nam. Biên lợi nhuận gộp trong 2Q2023 chỉ đạt hơn 7%. LNST của NT2 giảm mạnh so với cùng kỳ do (1) giá bán điện trung bình đi xuống cùng chiều với giá đầu vào (2) sản lượng điện thương phẩm suy giảm (3) Chi phí cao hơn do NT2 có thời gian phải chạy bằng dầu diesel (DO) (4) Mức nền cao trong 2Q2022.

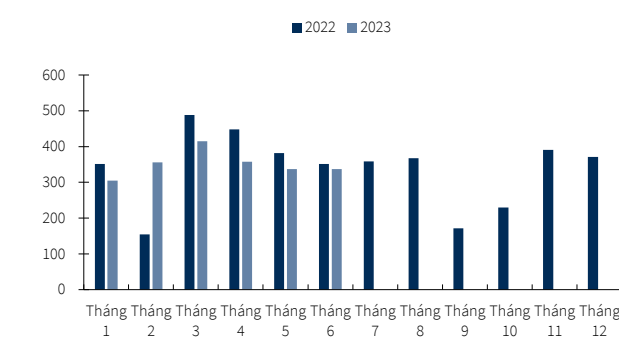
Bảng 1. Cập nhật KQKD

tỷ VND	1H2022	1H2023	+/-%YoY	Chú thích
Sản lượng (triệu kWh)				
Sản lượng điện theo hợp đồng (Qc)	2,176	2,129	-2%	Sản lượng điện thương phẩm suy giảm so với cùng kỳ, do tình trạng thiếu khí bởi các mỏ khí đang khai thác dần cạn kiệt
Giá khí trung bình (USD/MMBTU)	10.1	8.9	-12%	Giá khí đầu vào giảm cùng chiều với giá dầu, phù hợp với dự báo
Giá bán điện trung bình (VNĐ/kWh)	2,147	2,065	-3.8%	Giá bán điện trung bình giảm nhẹ do giá đầu vào đi xuống, tuy nhiên vẫn neo ở mức cao
Doanh thu	4,695	4,366	-7%	Doanh thu bị ảnh hưởng bởi giá bán và sản lượng điện thương phẩm suy giảm
Giá vốn hàng bán	-4,101	-3,952	-4%	
Lợi nhuận gộp	594	414	-30%	
Biên lợi nhuận gộp (%)	13%	9%		
Chi phí SG&A	-38	-38	-1%	
% SG&A/doanh thu	2%	2%		
LN từ HĐKD	552	404	-27%	
Thu nhập tài chính	3.2	40	1,125%	Doanh thu tài chính tăng nhờ doanh thu tiền gửi ngân hàng
Chi phí tài chính	-7	-12		
Thu nhập khác (ròng)	0.2	-0.2		
LN trước thuế	553	404	-27%	
Lợi nhuận sau thuế	525	378	-28%	

Nguồn: NT2, KBSV

Biểu đồ 2. Kết quả kinh doanh của NT2, 2020-2023 (tỷ VND)

Nguồn: NT2, KBSV

Biểu đồ 3. Sản lượng điện thương phẩm của NT2, 2022-2023 (triệu kWh)

Nguồn: NT2, KBSV

NT2 có thể gặp khó khăn ngắn hạn trong 2H2023

Nhu cầu tiêu thụ điện đang tăng trưởng thấp hơn dự kiến của chúng tôi và có thể tiếp tục tăng chậm trong nửa còn lại của năm. Luỹ kế 7 tháng đầu năm, sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống chỉ đạt 160.58 tỷ kWh (+1.95% YoY). Nhu cầu bị ảnh hưởng bởi tiêu thụ của nhóm thâm dụng năng lượng như Công nghiệp – Xây dựng ở mức thấp. Hơn nữa, tháng 7 là thời điểm bắt đầu mùa mưa tại miền Nam, nền nhiệt giảm cũng là yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu phụ tải, giá điện và khả năng huy động của các nhà máy điện trên thị trường.

Ngoài ra, theo kế hoạch, NT2 sẽ đại tu các tổ máy kéo dài khoảng 44 ngày bắt đầu từ đầu tháng 9/2023. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện sản xuất được của NT2 trong 2H2023. Tuy nhiên, thông tin này đã được phản ánh trong kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 khi ban lãnh đạo đưa ra con số khá thận trọng. Cụ thể, NT2 dự kiến sản lượng huy động đạt 4.1 tỷ kWh với doanh thu và lợi nhuận kế hoạch lần lượt là 8,299 tỷ và 473 tỷ VND. Theo KQKD 6 tháng đầu năm, NT2 đã đạt 52% kế hoạch sản lượng và doanh thu của 2023. Chúng tôi cho rằng sản lượng điện huy động trong 2H2023 sẽ suy giảm so với nửa đầu năm và giữ mức dự phóng sản lượng 4,032 triệu kWh (-0.8% YoY) cho 2023, bám sát với kỳ vọng như trên.

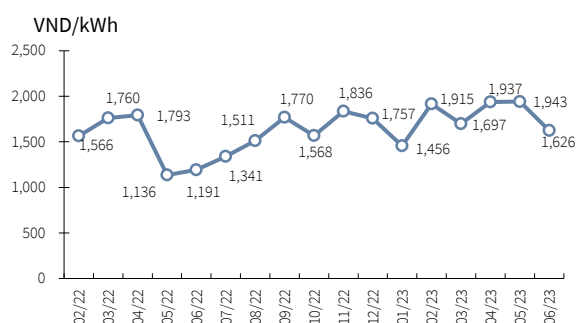
NT2 kỳ vọng sẽ trở lại trong 2024 từ mức nền của 2023

Giá đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với giá khí trung bình trong năm 2022, cùng chiều với sự điều chỉnh của giá dầu Brent. Diễn biến này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong báo cáo trước đó. Đây là yếu tố hỗ trợ NT2 tăng tính cạnh tranh trong huy động. Tuy nhiên, giá khí đầu vào khó có thể tiếp tục giảm mạnh và về lại mức trước dịch do (1) biến động khó lường của giá dầu thế giới (2) chi phí khai thác ngày càng tăng khi càng mở khí trong nước dần cạn kiệt.

Trong nửa đầu năm 2023, hoạt động công nghiệp và xây dựng trong nước cho thấy nhiều khó khăn. Điều này phần nào ảnh hưởng đến nhu cầu điện bởi đây vốn là nhóm thâm dụng năng lượng. Chúng tôi kỳ vọng hoạt động công nghiệp và xây dựng trở lại vào 2024 sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng mạnh. Vì vậy, NT2 có nhiều lợi thế để đón đầu, trở lại trong 2024 do (1) doanh nghiệp đã hoàn thành đại tu trong 2023, sẵn sàng cho huy động khi

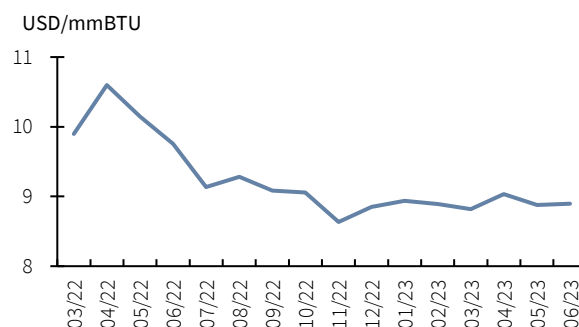
tiêu thụ tăng nhanh (2) đầu vào hạ nhiệt giảm giá bán điện, tăng cạnh tranh cho nhà máy (3) El Nino có khả năng tiếp diễn trong 2024.

Biểu đồ 4. Diễn biến giá điện toàn phần bình quân 2022-2023 (VND/kWh)



Nguồn: GENCO3, KBSV

Biểu đồ 5. Diễn biến giá khí đầu vào của Nhơn Trạch 2 đã giảm tương đối so với năm 2022 (USD/mmBTU)



Nguồn: NT2, KBSV

Bảng 6. Dự phóng kết quả kinh doanh

tỷ VND	2022	2023F	+/-%YoY	Chú thích
Sản lượng (triệu kWh)	4,065	4,032	-0.8%	
Sản lượng điện theo hợp đồng (Qc)	3,473	3,427	-1.3%	Sản lượng điện thương phẩm cả năm 2023 sẽ đạt 4,032 triệu kWh (-0.8% YoY). Trong 2H2023, NT2 sẽ tiến hành đại tu nhà máy định kỳ sau 100,000 giờ EOH (giờ vận hành tương đương) các tổ máy, hệ thống, thiết bị phụ trợ.
Sản lượng điện bán trên thị trường CGM (Qm)	592	605	2.2%	
Giá khí trung bình (USD/MMBTU)	9.33	8.68	-7%	Điều chỉnh giá khí đầu vào trung bình đạt 8.58 USD/MMBTU (-7% YoY) do giá định giá dầu Brent giảm so với 2022.
Giá bán điện trung bình (VNĐ/kWh)	2,161	2,139	-1%	Giá điện trung bình giả định giảm nhẹ do đầu vào hạ nhiệt
Doanh thu	8,788	8,571	-3%	
Giá vốn hàng bán	7,706	7,606.56	-1.3%	
Lợi nhuận gộp	1,081	963.99	-11%	
Biên lợi nhuận gộp (%)	12.3%	11.2%		
Chi phí SG&A	-131	-128	-3%	
% SG&A/doanh thu	1.50%	1.50%		
LN từ HĐKD	957	702	-26%	
Thu nhập tài chính	24	96	294%	Thu nhập tăng do giả định lãi từ tiền gửi tăng lên
Chi phí tài chính	-18	-33	86%	
Thu nhập khác (ròng)	-14	-14		
LN trước thuế	943	782	-17%	Lợi nhuận suy giảm do điều chỉnh chi phí dự phóng cao hơn vì NT2 có tháng phải chạy bằng dầu DO do thiếu khí
Lợi nhuận sau thuế	883	735	-17%	

Nguồn: NT2, KBSV

Định giá

Phương pháp định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền của doanh nghiệp (FCFF) và EV/EBITDA với tỷ lệ 50% cho mỗi phương pháp để đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** cho NT2 với mức giá mục tiêu là 32,200 VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 9.2% so với giá đóng cửa VNĐ/cổ phiếu ngày 16/08/2023.

Bảng 7. Định giá theo phương pháp FCFF

Chi phí vốn CSH	13%	Tổng giá trị hiện tại	8,051
Lãi suất phi rủi ro	5%	Giá trị VCSH	8,753
Phần bù rủi ro	8.2%	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	287.9
Beta	1	Giá trị VCSH/cổ phiếu (VNĐ)	30,404

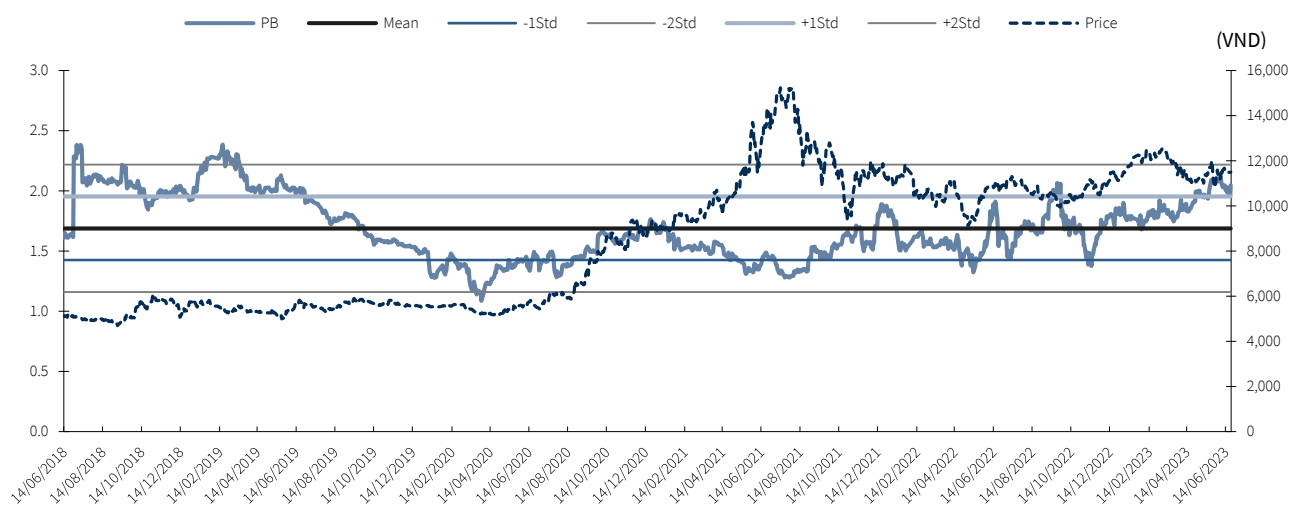
Nguồn: KBSV ước tính

Bảng 8. Tổng hợp định giá NT2

Phương pháp	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
FCFF	30,404	50%	15,202
EV/EBITDA (6x)	33,909	50%	16,955
Giá mục tiêu (làm tròn)			32,200
Giá hiện tại (15/08/2023)			29,500
Upside			9.2%

Nguồn: KBSV

Biểu đồ 9. Diễn biến P/B của NT2 giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Bloomberg, KBSV

PHỤ LỤC

NT2 – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2021A – 2023F

Báo cáo Kết quả HKKD					Bảng cân đối kế toán				
(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F	(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần	6,150	8,788	8,571	9,403	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6,624	7,445	7,520	7,488
Giá vốn hàng bán	5,474	7,706	7,607	8,141	TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,581	4,557	5,004	5,563
Lãi gộp	676	1,082	964	1,262	Tiền và tương đương tiền	1	384	1,565	2,195
Thu nhập tài chính	18	24	96	141	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	0	949	949	949
Chi phí tài chính	-52	-18	-33	-11	Các khoản phải thu	2,230	2,911	3,522	3,607
Trong đó: Chi phí lãi vay	-20	-15	-33	-11	Hàng tồn kho, ròng	311	307	374	420
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	0	0	0	0	TÀI SẢN DÀI HẠN	4,043	2,888	2,516	1,925
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-83	-131	-128	-141	Tài sản cố định	3,496	2,809	2,437	1,846
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	559	957	702	988	Tài sản dở dang dài hạn	1	0	0	0
Thu nhập khác	8	1	1	1	Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Chi phí khác	1	15	15	15	Lợi thế thương mại	0.0	0.0	0.0	0.0
Thu nhập khác, ròng	7	-14	-14	-14	NỢ PHẢI TRẢ	2,390	2,831	2,681	2,356
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	Nợ ngắn hạn	2,390	2,831	2,681	2,356
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	566	943	782	1,135	Phải trả người bán	1,034	770	934	925
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-32	-60	-47	-136	Người mua trả tiền trước	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	534	883	735	998	Vay ngắn hạn	210	631	315	0
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	Nợ dài hạn	0	0	0	0
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	534	883	735	998	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
					Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
					Vay dài hạn	0	0	0	0
					VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,234	4,614	4,840	5,132
					Vốn góp	2,879	2,879	2,879	2,879
					Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
					Lãi chưa phân phối	1,196	1,554	1,780	2,072
					Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	160	182	182	182
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
Chỉ số hoạt động					Chỉ số chính				
					(x, %, VNĐ)				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11.0%	12.3%	11.2%	13.4%	Chỉ số định giá				
Tỷ suất EBITDA	20.3%	18.7%	17.2%	18.3%	P/E	14.4	9.7	12.6	9.3
Tỷ suất EBIT	9.1%	10.9%	8.2%	10.5%	P/E pha loãng	14.4	9.7	12.6	9.3
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	9.2%	10.7%	9.1%	12.1%	P/B	1.2	1.8	1.9	1.8
Tỷ suất lãi hoạt động KD	9.1%	10.9%	8.2%	10.5%	P/S	0.8	0.9	1.1	1.0
Tỷ suất lợi nhuận thuần	8.7%	10.1%	8.6%	10.6%	P/Tangible Book	1.2	1.8	1.9	1.8
					P/Cash Flow	6.8	6.0	8.4	5.5
					Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	6.0	5.2	5.4	4.1
					Giá trị doanh nghiệp/EBIT	13.4	9.0	11.4	7.2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					Hiệu quả quản lý				
(Tỷ VNĐ)					ROE%	12.6%	19.1%	15.2%	19.5%
Lãi trước thuế	566	943	782	1,135	ROA%	8.1%	11.9%	9.8%	13.3%
Khấu hao TSCĐ	690	689	775	728	ROIC%	12.6%	19.7%	19.6%	33.6%
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-11	21	21	21	Cấu trúc tài chính				
Chi phí lãi vay	20	15	15	15	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.0	0.5	0.5	0.9
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	1,266	1,668	1,593	1,899	Tỷ suất thanh toán nhanh	0.7	0.9	1.4	1.8
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-775	-672	-611	-85	Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.9	1.1	1.5	1.1
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	4	3	-66	-47	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.0	0.0	0.0	0.0
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	871	22	165	-10	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-209	452	97	83	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.0	0.1	0.1	0.0
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-83	-90	-80	-148	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.1	0.0	0.0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	1,074	1,383	1,097	1,694	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	0.6	0.6	0.6	0.5
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-3	-1	-3	-3	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.4	0.4	0.4	0.3
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	0	0	0	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	0.6	0.6	0.6	0.5
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	0	-949	0	0	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.4	0.4	0.4	0.3
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	0	0	949	0	Chỉ số hoạt động				
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	3.3	3.4	2.7	2.6
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0	Hệ số quay vòng HTK	17.6	25.1	20.4	19.4
Cổ tức và tiền lãi nhận được	11	4	4	4	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	8.6	9.7	10.1	10.1
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	9	-946	950	1					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	0	0	0					
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0					
Tiền thu được các khoản đi vay	1,364	831	0	0					
Tiền trả các khoản đi vay	-1,932	-410	0	0					
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0					
Cổ tức đã trả	-575	-474	-551	-749					
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0					
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-1,143	-54	-866	-1,064					
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-61	383	1,181	630					
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	62	1	384	1,565					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1	384	1,565	2,195					

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.